

Số: 70 /2022/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 05 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí
Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng ban hành
kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 05/4/2019
của Ủy ban nhân dân thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của
Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát
triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ
Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển
công nghiệp hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ
Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển
nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-
CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2849/TTr-
SCT ngày 31 tháng 10 năm 2022.*



48

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Xây dựng Chương trình, tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp: Chi xây dựng Chương trình; in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng (áp dụng theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa).”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Nội dung chi: Chi xây dựng Chương trình; in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng (áp dụng theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa).”

3. Bổ sung Điều 12a như sau: Khi các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Công Thương);
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND TP;
- Ủy ban MTTQVN TP, Đoàn ĐBQH TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PVP UBNDTP;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Công báo thành phố;
- Công TTĐT TP, Đài PT&TH HP, Báo Hải Phòng;
- Các Phòng: XDGT&CT, TC-NS, NC&KTGS;
- CV: CT;
- Lưu: VT. 3



Nguyễn Văn Tùng